Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9031.49.10

Mã HS	9031.49.10
Mô tả hàng hóa	Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng / - Các thiết bị và dụng cụ quang học khác: / - - Loại khác: / - - - Dụng cụ và thiết bị quang học để đo độ nhiễm bẩn bề mặt của các vi mạch bán dẫn
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	08/11/2026 14:22:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90314910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18239
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18239
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18239
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17566
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17495
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17495
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17495
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17495
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17495
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17495
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17551
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17551
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17551
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17551

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17551
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17551
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17552
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17552
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17552
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17552
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17552
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17552
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17557
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17513
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17509
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17509
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17509
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17509
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17509
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17509
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17555
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17555
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17555
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17555
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17555
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17555
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17617
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17617
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17617
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17617

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17617
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17617
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17593
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17593
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17593
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17593
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17593
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17593
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17588
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17588
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17588
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17588
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17588
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17588
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17618
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17618
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17618
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17618
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17618
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17618
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17617
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17617
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17617
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17617
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17617
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17617

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17711
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17711
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17711
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17711
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17711
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17711
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17711
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17580
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17580
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17580
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17580
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17580
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17580
RCEP B	2022	2022	0	B!D17580
RCEP B	2023	2023	0	B!E17580
RCEP B	2024	2024	0	B!F17580
RCEP B	2025	2025	0	B!G17580
RCEP B	2026	2026	0	B!H17580
RCEP B	2027	2027	0	B!I17580
RCEP C	2022	2022	0	C!D17578
RCEP C	2023	2023	0	C!E17578
RCEP C	2024	2024	0	C!F17578
RCEP C	2025	2025	0	C!G17578
RCEP C	2026	2026	0	C!H17578
RCEP C	2027	2027	0	C!I17578
RCEP D	2022	2022	0	D!D17577

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17577
RCEP D	2024	2024	0	D!F17577
RCEP D	2025	2025	0	D!G17577
RCEP D	2026	2026	0	D!H17577
RCEP D	2027	2027	0	D!I17577
RCEP E	2022	2022	0	E!D17581
RCEP E	2023	2023	0	E!E17581
RCEP E	2024	2024	0	E!F17581
RCEP E	2025	2025	0	E!G17581
RCEP E	2026	2026	0	E!H17581
RCEP E	2027	2027	0	E!I17581
RCEP F	2022	2022	0	F!D17580
RCEP F	2023	2023	0	F!E17580
RCEP F	2024	2024	0	F!F17580
RCEP F	2025	2025	0	F!G17580
RCEP F	2026	2026	0	F!H17580
RCEP F	2027	2027	0	F!I17580
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16481
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16481
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16481
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16481

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9031.49 có 4 dòng thuế; dòng 9031.49.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dụng cụ và thiết bị quang học để đo độ nhiễm bẩn bề mặt của các vi mạch bán dẫn.	9031.49.20 Thiết bị quang học để xác định và sửa lỗi cho tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp; 9031.49.30 Dụng cụ và thiết bị quang học khác để đo hoặc kiểm tra tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp; 9031.49.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9031.49.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9031.49.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18239), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.